

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
của tỉnh Tiền Giang, giai đoạn 2021 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về
ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình), với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt chủ trương của Đảng về cải cách hành chính là một trong những đột phá phát triển đất nước; gắn cải cách hành chính đồng bộ với cải cách lập pháp, cải cách tư pháp và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, góp phần xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

3. Các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo từng giai đoạn.

4. Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; tận dụng có hiệu quả thành tựu, tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với lộ trình, bước đi phù hợp, tránh mọi biểu hiện bàng quan, thiếu tự tin, thụ động, nhưng không nóng vội, chủ quan, duy ý chí.

5. Cải cách hành chính phải kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được trong cải cách hành chính nhà nước giai đoạn vừa qua; tiếp thu những kinh nghiệm, những bài học thành công trong cải cách của các nước có nền hành chính phát triển để vận dụng vào thực tiễn một cách phù hợp.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục xây dựng nền hành chính tỉnh Tiền Giang hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế phù hợp, đầy đủ, rõ ràng, làm cơ sở cho tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị; đảm bảo đồng bộ, liên thông, thống nhất giữa quy định của các cấp; tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kiện toàn, củng cố cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cấp cơ sở tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, hiện đại. Phối hợp, phân cấp, phân công, phân quyền, ủy quyền hợp lý, hiệu quả giữa các cấp, các ngành gắn với việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh.

2. Mục tiêu chủ yếu

a) Cải cách thể chế

- Hoàn thành 100% nhiệm vụ, nội dung công tác tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật và xử lý các kết quả theo dõi thi hành pháp luật đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- 100% văn bản quy phạm pháp luật được rà soát, hệ thống hóa kịp thời.

- Kịp thời tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế sau khi nhận được kết luận kiểm tra văn bản có nội dung không phù hợp với quy định pháp luật của cơ quan có thẩm quyền.

- Đến năm 2025: triển khai, phối hợp tổ chức thực hiện quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền để cơ bản hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước, trọng tâm là thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển.

- Đến năm 2030: triển khai, phối hợp tổ chức thực hiện quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện toàn diện, đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế của nền hành chính hiện đại, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển tỉnh, đất nước.

b) Cải cách thủ tục hành chính

- 100% thủ tục hành chính được kiểm soát theo quy định về ban hành thủ tục hành chính và xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát thủ tục hành chính.

- 100% thủ tục hành chính được công bố, công khai và đăng tải trên Cổng thông tin của quốc gia, tỉnh, cơ quan, địa phương đúng thời gian quy định.

- 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đúng

theo quy định (quy trình, chất lượng, thời gian,...).

- 100% phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý, công khai theo quy định.

- Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

+ Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

+ Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

+ 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

+ Rà soát kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa quy định và chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo đúng tinh thần Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

- Đến năm 2030:

+ 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

+ Tối thiểu 90% thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Công Dịch vụ công Quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

c) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

* Đến năm 2025:

- 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện; đơn vị sự nghiệp công lập được sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương; thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp.

- 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thực hiện đúng quy định về biên chế hành chính, số lượng người làm việc ở đơn vị sự nghiệp.

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước của tỉnh.

- Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và ấp, khu phố theo tiêu chuẩn quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền theo giai đoạn.

- Giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

* Đến năm 2030:

- Giảm biên chế hành chính và người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đúng theo tỉ lệ do Chính phủ quy định.

- Tiếp tục giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

- Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính theo tiêu chuẩn quy

định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

d) Cải cách chế độ công vụ

- 100% cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt; đánh giá cán bộ, công chức đầy đủ, đảm bảo theo quy định.

- 100% đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp được phê duyệt.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện, tỉnh đạt chuẩn theo quy định; đánh giá cán bộ, công chức đầy đủ, đảm bảo theo quy định.

- 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tuyển dụng, bố trí cán bộ, công chức, viên chức công khai, minh bạch, đúng theo quy định pháp luật.

- Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo theo quy định của Trung ương, của tỉnh.

* Trong đó, đến năm 2025:

- Trên 98% cán bộ phải đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước bầu cử vào chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định.

- 100% công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch công chức; bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý theo vị trí việc làm.

- 100% viên chức giữ chức vụ quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm.

- 70% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định.

* Đến năm 2030:

- 100% cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.

- 100% đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp được phê duyệt.

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện và tương đương, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương, 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cử nhân và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

đ) Cải cách tài chính công

* Đến năm 2025:

- Thực hiện trên 90% việc giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm.

- 100% cơ quan hành chính các cấp ở địa phương thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

- Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

* Đến năm 2030:

- Thực hiện trên 90% việc giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm.

- 100% cơ quan hành chính các cấp ở địa phương thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

- Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

e) Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

* Đến năm 2025:

- Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công Quốc gia; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

- 80% các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

- 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 90% hồ sơ công việc tại tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng

Chính phủ, của tỉnh, huyện được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Trung ương và của địa phương.

- 100% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu địa phương về Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm,... được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND tỉnh đến cấp huyện, xã; đến cuối năm 2025, phấn đấu 100% thực hiện họp thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc tại các cuộc họp của UBND.

- 100% cơ quan hành chính áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

- Cơ quan hành chính ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xây dựng áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO9001:2015 (*ISO điện tử*) đảm bảo tỷ lệ theo quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

* Đến năm 2030:

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% hồ sơ công việc tại tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Hoàn thành việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (*ISO điện tử*) tại cơ quan hành chính theo quy định.

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

a) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND trên cơ sở quy định của pháp luật.

b) Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng VBQPPL của HĐND, UBND nhằm đảm bảo văn bản hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và khả thi.

c) Tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương và địa phương ban hành, đặc biệt là các văn bản pháp luật quan trọng, có liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước...; tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương, tập trung theo dõi những lĩnh vực trọng tâm, chuyên ngành theo định hướng của Trung ương, các lĩnh vực quan trọng có liên quan đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đời sống của Nhân dân.

d) Thường xuyên kiểm tra, rà soát VBQPPL, tổ chức tốt việc hệ thống hóa VBQPPL các kỳ tiếp theo. Kịp thời sửa đổi, bãi bỏ, thay thế các VBQPPL không còn phù hợp hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về cải cách hành chính gắn với chương trình, đề án, kế hoạch, hướng dẫn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm, bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

đ) Tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật (chỉ số B1) trên địa bàn tỉnh, từng bước góp phần cải thiện và nâng cao chỉ số Cải cách hành chính (Par-Index), chỉ số Năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh.

e) Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

g) Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Rà soát kiến nghị cắt giảm và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý, bảo đảm thực chất.

b) Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện, qua đó kiến nghị đơn giản hóa hoặc loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

c) Kịp thời phản ánh, kiến nghị với các bộ, ngành về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh. Nghiên cứu, góp ý đối với các phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh khi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi lấy ý kiến. Phối hợp tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

d) Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

đ) Trong giai đoạn 2021 - 2030, tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, giải phóng mọi nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, bảo đảm điều kiện cho kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, bền vững. Một số lĩnh vực trọng tâm cần tập trung là: đầu tư; đất đai; xây dựng; y tế; giáo dục; lao động; khoa học công nghệ và một số lĩnh vực khác phù hợp với quy định của Trung ương theo yêu cầu cải cách trong từng giai đoạn.

e) Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các ngành, các cấp và trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

g) Công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính bằng các hình thức thiết thực và thích hợp; duy trì và cập nhật thường xuyên thủ tục hành chính của các cấp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

h) Tiếp tục phát huy vai trò người đứng đầu trong chỉ đạo, lãnh đạo, ưu tiên tập trung các nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính; gắn công tác cải cách thủ tục hành chính với siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính và công tác thi đua khen thưởng, đánh giá, phân loại, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường đối thoại giữa cơ quan hành chính nhà nước các cấp với doanh nghiệp và Nhân dân về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức và công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính để Nhân dân giám sát việc thực hiện.

i) Đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông, trong đó tập trung giới thiệu những điểm mới, cách làm hay, điển hình tiên tiến trong cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh...; tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công của tỉnh; triển khai thực hiện thanh toán trực tuyến nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến, góp phần hạn chế việc người dân, doanh nghiệp tiếp xúc trực tiếp với công chức, viên chức, cơ quan hành chính nhà nước.

k) Năm 2022, hoàn thành kết nối Cổng Dịch vụ công tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia; đẩy mạnh thực hiện thanh toán các khoản phí, lệ phí trên Cổng Dịch vụ công tỉnh theo quy định. Phối hợp xây dựng và vận hành có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo hướng dẫn của trung ương.

l) Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng dẫn của Trung ương.

m) Rà soát, đánh giá, đề xuất phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó

giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho Nhân dân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh xã hội hóa gắn với tinh giản biên chế trên cơ sở tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương, các Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW.

b) Triển khai, tổ chức thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế xây dựng chính quyền địa phương theo hướng phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh, đảm bảo theo quy định Trung ương; chủ động thực hiện thí điểm ở những nơi có đủ điều kiện. Nghiên cứu, đề xuất mô hình, cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và chủ động tham gia, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

c) Tổ chức thực hiện các quy định của Trung ương về quy định khung số lượng các cơ quan trực thuộc HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong của các sở, ban, ngành tỉnh theo hướng tinh gọn đầu mối, kiên quyết cắt giảm số lượng, sắp xếp lại phòng, chi cục, trung tâm, ban quản lý dự án và đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

d) Rà soát, điều chỉnh, sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động của chính quyền địa phương theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp; tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở các cấp.

đ) Căn cứ quy định của Trung ương, tổ chức sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã và quy định khung số lượng cán bộ, công chức cấp xã cho phù hợp theo hướng xác định rõ vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, đặc thù của địa phương và bảo đảm giảm biên chế.

e) Tổ chức thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; sắp xếp, sáp nhập các ấp, khu phố không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định.

g) Nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiên bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hóa, đồng bộ, cụ thể hóa các quy định, quy chế, quy trình về công tác cán bộ, công chức.

b) Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức của tỉnh chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, ngang tầm nhiệm vụ.

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đối với cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ đáp ứng nhiệm vụ phát triển trong thời gian tới.

d) Tổ chức thực hiện quy định của Trung ương về chế độ tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức kịp thời thực hiện nâng mức tiền lương phù hợp với chỉ số giá tiêu dùng, mức tăng trưởng kinh tế và khả năng của ngân sách nhà nước.

đ) Đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương rà soát, thực hiện nghiêm quy định về số lượng cấp phó tại các cơ quan, đơn vị; tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức đúng với năng lực, tiêu chuẩn của vị trí việc làm đã được phê duyệt. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; triển khai có hiệu quả các chính sách về tinh giản biên chế theo quy định.

e) Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý những sai phạm trong thực thi công vụ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi tuyển và thi nâng ngạch công chức, viên chức bảo đảm công khai, minh bạch.

g) Đẩy mạnh xã hội hóa, nhất là trong các ngành, lĩnh vực và địa bàn mà khu vực ngoài công lập làm tốt; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển lành mạnh thị trường dịch vụ sự nghiệp công.

h) Tiếp tục mở rộng và triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương.

i) Nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

k) Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

l) Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công

nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

5. Cải cách tài chính công

a) Tổ chức triển khai thực hiện quy định về thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên cơ sở cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

b) Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định khác của pháp luật có liên quan để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

c) Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

d) Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

đ) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa:

- Rà soát, báo cáo Trung ương sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ...

- Phấn đấu chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện về Chính quyền điện tử, chính quyền số trên địa bàn tỉnh; hoàn thiện và đẩy mạnh hoạt động Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước để đạt mục tiêu các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh được thực hiện dưới dạng điện tử; đến năm 2030 sẽ đạt tỷ lệ 100%, trừ trường hợp có quy định khác.

b) Cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc. Bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ các hoạt động trong cơ quan. Các giao dịch của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trong môi trường điện tử, các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh ở mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và

doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông rộng rãi trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính với nhau và giao dịch với tổ chức, cá nhân, đặc biệt là trong hoạt động dịch vụ hành chính công, dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công.

d) Triển khai, nâng cấp, hoàn thiện các ứng dụng (APP) trên thiết bị thông minh nhằm tiếp nhận, giải quyết phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đối với các lĩnh vực thiết yếu, liên quan nhiều đến người dân, doanh nghiệp. Triển khai các hệ thống báo cáo dùng chung, thu thập số liệu các ngành, các cấp qua hệ thống phần mềm, nhằm cung cấp kịp thời các số liệu phục vụ quản lý nhà nước; các hệ thống thông minh phục vụ người dân, doanh nghiệp như: cảnh báo độ mặn phục vụ tưới tiêu, sản xuất; cảnh báo ô nhiễm môi trường, nguồn nước....

đ) Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện.

e) Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh, cấp huyện nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

g) Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

h) Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

i) Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước.

k) Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và công tham vấn điện tử theo Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

- Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

- Phát triển, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

l) Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển

du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

m) Xây dựng trụ sở cơ quan hành chính nhà nước các cấp ở tỉnh theo hướng hiện đại, tập trung, ở những nơi có điều kiện. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm vào hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (ISO điện tử) đối với cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng HTQLCL theo quy định.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các cấp và thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác chỉ đạo việc thực hiện cải cách hành chính; chịu trách nhiệm chỉ đạo thống nhất và thực hiện Chương trình trong phạm vi quản lý; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, liên tục; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình.

2. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức phù hợp, có hiệu quả. Quy định rõ và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Thực hiện nghiêm các quy định về chức danh, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức trong từng cơ quan, tổ chức, từng ngành, từng lĩnh vực, làm cơ sở cho tinh giản tổ chức và tinh giản biên chế. Tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của hoạt động công vụ. Thực hiện chính sách chung về đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với Nhân dân.

3. Nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách công tác cải cách hành chính ở các cấp.

4. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện cải cách hành chính để có những giải pháp thích hợp nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính. Xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính ở các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã. Quy định kết quả thực hiện cải cách hành chính là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

5. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các nội dung quản lý nhà nước khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho Chính phủ và chính quyền các cấp ở địa phương.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng

cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính

7. Tăng cường tuyên truyền sâu, rộng việc thực hiện công tác cải cách hành chính bằng nhiều hình thức thiết thực, sinh động, phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

8. Đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện Chương trình.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch nhằm đạt mục tiêu của Chương trình trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để triển khai Chương trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm

a) Tổ chức triển khai quán triệt Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Chương trình này, các văn bản quy định, hướng dẫn về cải cách hành chính bằng nhiều hình thức thiết thực, phù hợp với điều kiện để nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

b) Căn cứ Chương trình này, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các bộ, ngành trung ương để xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn, hàng năm thuộc phạm vi quản lý đảm bảo đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo quy định và tổ chức thực hiện hiệu quả trong giai đoạn 2021 - 2030; tổ chức triển khai, thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được phân công và lập dự toán ngân sách thực hiện gửi Sở Tài chính để tổng hợp, cân đối ngân sách và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan; kế hoạch giai đoạn gửi về Sở Nội vụ (*chậm nhất 30 ngày kể từ ngày Chương trình này ban hành*) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

c) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc, các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện tốt công tác cải cách hành chính thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương phụ trách; chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện tốt Chương trình này theo lĩnh vực, nội dung được phân công hoặc theo ngành, lĩnh vực, địa phương thuộc phạm vi quản lý. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện đảm bảo các tiêu chí, tiêu chuẩn, tiêu chí thành phần về các chỉ số cải cách hành chính theo quy định; tổng hợp báo cáo đánh giá việc thực hiện các tiêu chí, tiêu chuẩn, tiêu chí thành phần về các chỉ số cải cách hành chính. Chủ trì, chủ động tham mưu, giúp UBND tỉnh phối hợp triển khai, tổ chức thực hiện các Đề án, dự án của bộ, ngành trung ương; khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước theo ngành, lĩnh vực quản lý triển khai trên địa bàn tỉnh.

d) Lập dự toán kinh phí để thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ cải cách hành chính được phân công chủ trì thực hiện theo Chương trình này, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện; thanh quyết toán đúng theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách.

đ) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) tình hình thực hiện Chương trình theo hướng dẫn chung để theo dõi, chỉ đạo.

2. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

b) Chủ trì triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ.

c) Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành và kiểm tra công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

d) Lập dự toán kinh phí tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong thực hiện Chương trình xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, kế hoạch để đạt được chỉ tiêu của Chương trình.

e) Hướng dẫn các các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện xây dựng báo cáo cải cách hành chính hàng quý, 06 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Chương trình.

g) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất.

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu ban hành và hướng dẫn việc triển khai thực hiện bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

i) Chủ trì, phối hợp tham mưu, thực hiện tuyên truyền cải cách hành chính; phối hợp với các cơ quan, địa phương thực hiện đo lường mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với dịch vụ hành chính của cơ quan hành chính nhà nước theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.

k) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

l) Năm 2025, tham mưu UBND tỉnh tiến hành sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình tổng thể.

3. Sở Tư pháp

a) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp xây dựng và vận hành có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì triển khai, tổ chức thực hiện nội dung cải cách thủ tục hành chính; xây dựng và hướng dẫn thực hiện phương pháp tính chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

b) Tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; theo dõi, tổng hợp về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tổng hợp, đánh giá kết quả khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với việc giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh và công khai kết quả đánh giá trên Cổng Dịch vụ công hoặc Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tiếp tục xây dựng, phát triển, vận hành Cổng thông tin điện tử của tỉnh phù hợp với từng giai đoạn. Chủ trì đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương trong việc đổi mới lề lối, phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; điều hành dựa trên dữ liệu số; theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao theo thời gian thực.

d) Phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công Quốc gia; trực liên thông văn bản quốc gia; Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, tham mưu, triển khai, tổ chức thực hiện nội dung cải cách tài chính công; chủ trì việc đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước dựa trên kết quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

b) Chủ trì tham mưu, triển khai cơ chế chính sách về đổi mới cơ chế, tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Thẩm định kinh phí thực hiện kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn, hàng năm của các cơ quan, địa phương, tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền quyết định; chủ trì hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo chương trình, đề án, kế hoạch đã được phê duyệt và theo Chương trình này.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương triển khai, thực hiện công tác truyền thông, thông tin về cải cách hành chính.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu, giúp UBND tỉnh triển khai có hiệu quả các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); đẩy mạnh thu hút đầu tư, hỗ trợ, khuyến khích thành lập mới doanh nghiệp và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phục vụ cho đầu tư phát triển.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí từ ngân sách cho các đề án, dự án về cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương; chú trọng lập kế hoạch vốn đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng công sở của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

8. Sở Y tế

Chủ trì triển khai thực hiện cải cách, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công và triển khai thực hiện Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì triển khai thực hiện cải cách, nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục công và việc triển khai thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn các địa phương trong việc thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục. Tham mưu, hướng dẫn việc rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường, lớp mầm non, phổ thông, đại học, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động của ngành theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tham mưu, giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu, thực hiện triển khai ứng dụng, phần mềm ISO điện tử theo quy định.

b) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan triển khai thực hiện đổi mới cơ chế,

chính sách xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch.

12. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, chính sách bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Tham mưu, tổ chức thực hiện đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và của ngành.

13. Các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của ngành, đảm bảo đạt được chỉ tiêu đề ra và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, công dân đến liên hệ giải quyết công việc; chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện tốt công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

14. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ấp Bắc, Cổng thông tin điện tử tỉnh xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để đẩy mạnh tuyên truyền về cải cách hành chính, Chương trình và việc thực hiện Chương trình này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Zih*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, P.NC, P. KSTTHC, TTTTH-CB, TTPVHCC;
- Lưu: VT, KSTT (Hiếu).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *meax*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vĩnh

22 18